

Số: 42 /TB- CNTD

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công khai tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-THVN ngày 14/4/2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc thanh lý tài sản của Trung Tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-TDPS ngày 02/7/2025 của Giám đốc Trung Tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá tài sản thanh lý của Trung Tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng;

Trung Tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng - Đài truyền hình Việt Nam thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá lô tài sản thanh lý của Trung Tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá

Tên đơn vị: Trung Tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng.

Địa chỉ: (Phòng 2302 Tầng 23 Tòa nhà Trung tâm THVN) Số 43 Nguyễn Chí Thanh, P. Giảng Võ, TP Hà Nội. ĐT: 024 38316759

2. Tên tài sản đấu giá:

Lô tài sản, công cụ dụng cụ thanh lý gồm: Trang thiết bị, máy móc là TSCĐ và CCDC đã hết khấu hao, lạc hậu công nghệ, rác thải công nghiệp phải xử lý, không còn giá trị sử dụng.

3. Giá khởi điểm: 228.995.455 đồng

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi tám triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng./.

(Giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

- Tiêu chí: Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4. Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp.

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19.0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10.0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...). trụ sở có đủ diện tích làm việc	5.0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5.0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5.0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2.0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3.0
3	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên	2.0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	
4	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1.0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1.0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16.0
1	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4.0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2.0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2.0
2	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4.0
3	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4.0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2.0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2.0
4	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giảm sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4.0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57.0
1	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15.0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12.0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13.0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14.0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15.0
2	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7.0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4.0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5.0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6.0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7.0
3	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7.0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4.0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5.0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6.0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7.0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3.0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3.0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	7.0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4.0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5.0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6.0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7.0
6	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4.0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
6.1	01 đấu giá viên	2.0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3.0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4.0
7	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản. Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh. Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)	4.0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
7.1	Dưới 05 năm	2.0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3.0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4.0
8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5.0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3.0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4.0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5.0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5.0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3.0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4.0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5.0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8.0
1	Trong năm 2024, Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã đấu giá thành công ít nhất 10 cuộc đấu giá là tài sản thanh lý của cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước có phần chênh lệch tăng so với giá khởi điểm từ 50% trở lên. Đồng thời, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có đủ năng lực niêm yết công khai tài sản đấu giá và hỗ trợ cùng bàn giao tài sản đấu giá cho khách hàng trúng đấu giá tại các tỉnh thành Việt Nam và Vương quốc Lào nơi có tài sản đấu giá (<i>Danh sách địa điểm nơi có tài sản đấu giá đính kèm</i>).	8.0
Tổng số điểm		

Lưu ý: Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có đủ năng lực và điều kiện hỗ trợ cùng bàn giao tài sản đấu giá cho khách hàng trúng đấu giá tại các địa điểm nơi có tài sản đấu giá mới đủ điều kiện tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức bán đấu giá tài sản

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo về việc lựa chọn đơn vị bán đấu giá tài sản trên cổng thông tin điện tử quốc gia về bán đấu giá đến trước 16 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 7 Năm 2025 (Trong giờ hành chính, không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).

- Địa chỉ nộp hồ sơ: (Phòng 2302 Tầng 23 Tòa nhà Trung tâm THVN) Số 43 Nguyễn Chí Thanh, P. Giảng Võ, TP Hà Nội. ĐT: 024 38316759

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu của đơn vị cử đến (phải còn hiệu lực) và bản chụp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (phải còn hiệu lực và mang bản gốc để đối chiếu).

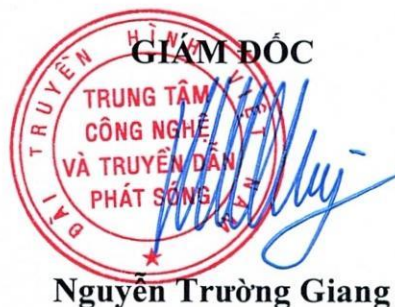
- Trung Tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng sẽ có văn bản thông báo cho đơn vị tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn. những tổ chức đấu giá tài sản không được thông báo được hiểu là không được lựa chọn.

- Trung Tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng không hoàn trả hồ sơ cho các đơn vị tổ chức bán đấu giá tài sản đã nộp hồ sơ không được lựa chọn.

Trung Tâm Công nghệ và Truyền dẫn phát sóng rất mong nhận được sự quan tâm của các tổ chức đấu giá chuyên nghiệp. /

Nơi nhận:

- Website VTV.net;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (dgts.moj.gov.vn);
- Lưu: VT. HSCV.


GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
VÀ TRUYỀN DẪN
PHÁT SÓNG
Nguyễn Trường Giang



Danh sách địa điểm nơi có tài sản đấu giá

(Đính kèm Thông báo lựa chọn Tổ chức Đấu giá tài sản)

STT	Địa điểm nơi có tài sản đấu giá
1.	Vương quốc Lào
2.	Phòng QLPSMB
3.	Hà Nội
4.	Mề Trì, Hà Nội
5.	Cao Bằng
6.	Hải Dương
7.	Lai Châu
8.	Lạng Sơn
9.	Lào Cai
10.	Ninh Bình
11.	Móng Cái, Quảng Ninh
12.	Hạ Long, Quảng Ninh
13.	Thanh Hóa
14.	Bắc Kạn
15.	Điện Biên
16.	Hà Tĩnh
17.	Nam Định
18.	Yên Bái
19.	Hà Giang
20.	Tuyên Quang
21.	Lai Châu
22.	Tam Đảo
23.	Đà Nẵng
24.	Bình Thuận
25.	Cà Mau
26.	Lâm Đồng
27.	Ninh Thuận
28.	An Giang
29.	Bình Phước
30.	Đắk Nông
31.	Long An
32.	Sóc Trăng
33.	Tây Ninh
34.	Vũng Tàu
35.	Cần Thơ
36.	Bình Dương



37.	Quảng Trị
38.	Quảng Nam
39.	Quảng Ngãi
40.	Quảng Bình
41.	Phòng QLPS MT tại ĐN
42.	Phòng QLPS MT tại Huế
43.	Phòng QLPS MT tại Phú Yên
44.	Gia Lai
45.	Kon Tum
46.	Bình Định

